# NÉT ĐẶC SẮC CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VIỆT NAM (1945 - 1946)

**PGS, TS VŨ NHƯ KHÔI**

*Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng*

**ThS VŨ TRUNG DUY**

*Tạp chí Cộng sản*

**"Dĩ bất biến, ứng vạn biến" là một nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Quan điểm đó được thể hiện đặc sắc trong giai đoạn lịch sử đặc biệt 1945-1946. Lúc đó, vận mệnh đất nước lâm vào tình thế hiểm nghèo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân kiên định mục tiêu độc lập, thống nhất dân tộc, đồng thời vận dụng sách lược hòa hoãn với kẻ thù để vượt qua tình thế hiểm nghèo, đưa đất nước đi lên. "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa lịch sử và hiện thực sâu sắc.**

Nhân dân Thủ đô Pari chào đón Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm nước Pháp, tháng 7-1946

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là một bước ngoặt lịch sử của dân tộc. Nhân dân Việt Nam đã lật đổ chính quyền thống trị của đế quốc phát xít và phong kiến tay sai, giành quyền làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đó là ưu thế tuyệt đối về chính trị tinh thần của đất nước, của cách mạng. Nhưng nước Việt Nam mới gặp vô vàn khó khăn về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội... Vận mệnh đất nước lâm vào tình thế hiểm nghèo như "ngàn cân treo sợi tóc". Nghiêm trọng nhất là trên đất nước ta, cùng lúc có gần 30 vạn quân của nhiều nước đế quốc rải ra chiếm đóng ở hầu khắp các vị trí chiến lược quan trọng. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã viết: "Khó khăn lớn nhất lúc này là các quân đội nước ngoài từ bốn phương cùng dồn dập kéo tới. Bọn ở gần, bọn ở xa. Chúng khác nhau về màu da, về tiếng nói, nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: muốn thôn tính đất nước chúng ta, muốn đẩy chúng ta trở về với cuộc sống nô lệ"[1].

"Dĩ bất biến, ứng vạn biến", giữ vững mục tiêu chiến lược đồng thời thực hiện sách lược linh hoạt, khôn khéo để giành thắng lợi từng bước cho cách mạng là phương châm ứng xử trước mọi tình huống trong quá trình đấu tranh cách mạng lúc này. Giữ vững mục tiêu chiến lược độc lập, thống nhất dân tộc là vấn đề thuộc về nguyên tắc; linh hoạt về sách lược là những chủ trương, giải pháp vừa khôn khéo, vừa mềm dẻo, vừa kiên quyết, thích ứng với tình hình nhiệm vụ cụ thể của cách mạng.

Trong lúc đất nước có nhiều kẻ thù ngoại bang và nội phản, Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích kỹ tình hình lúc đó và chiều hướng phát triển của thế giới, âm mưu, thủ đoạn, nội tình và khả năng của từng kẻ thù để xác định đúng kẻ thù chính, kẻ thù nguy hiểm, kẻ thù tay sai đế quốc, để phân hóa, lợi dụng mâu thuẫn giữa các kẻ thù, định ra đối sách thích hợp với từng kẻ thù, đem lại thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

Với quân Tưởng, ngày 2-9-1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố thành lập, thì ngay đầu tháng 9 năm đó, đoàn tiền trạm quân Trung Hoa Dân quốc đã đáp máy bay đến Hà Nội và trong tháng 9, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, đã tràn vào chiếm đóng hầu khắp các vị trí xung yếu của Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc. Quân Tưởng âm mưu "diệt Cộng, cầm Hồ", tiêu diệt Đảng Cộng sản, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền cách mạng, lập chính quyền tay sai. Chúng đặt ra nhiều yêu sách ngang ngược với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phối hợp lực lượng, hoặc đứng sau chỉ đạo, hỗ trợ các tổ chức chính trị phản động tay sai Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc), Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội (Việt Cách) chống phá chính quyền ta hết sức quyết liệt. Ở những nơi đóng quân, chúng thường xuyên gây ra những vụ khiêu khích lực lượng vũ trang Việt Nam và đi cướp phá các làng bản xung quanh. Âm mưu của quân Tưởng là dùng mọi thủ đoạn chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế tài chính,... làm suy yếu, tiến tới dùng vũ lực lật đổ chính quyền cách mạng, dựng nên chính quyền phản động tay sai, đưa nước ta lệ thuộc Trung Quốc.

Tuy nhiên, quân Tưởng là đội quân ô hợp, thiếu sức chiến đấu; các tổ chức chính trị tay sai người Việt thì lực lượng nhỏ bé, bị nhân dân tẩy chay. Chính quyền Trung Hoa Dân quốc còn phải theo lệnh Mỹ, không trước thì sau cũng phải để Pháp trở lại chiếm đóng Đông Dương. Mặt khác, quân Tưởng đang cần quan hệ với chính quyền Việt Nam để yêu sách về lương thực, thực phẩm,... và dùng quan hệ với Việt Nam làm đối trọng mặc cả với Pháp. Vì vậy, quân Tưởng chỉ có thể gây nhiều khó khăn, phức tạp, cũng

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ

không loại trừ chúng có thể lật đổ chính quyền ta, nhưng chúng không thể dùng vũ lực xâm lược miền Bắc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định *quân Tưởng là kẻ thù nguy hiểm trực tiếp*, nhưng không phải là kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam trong thời điểm này.

Các tổ chức Việt Quốc, Việt Cách là tay sai cho quân Tưởng, chỉ dựa vào ngoại bang, lực lượng phân tán, nội bộ lại mâu thuẫn tranh giành ngôi vị, không phải là lực lượng đối trọng với cách mạng.

Ở miền Nam, đầu tháng 9, dưới danh nghĩa Đồng minh, hơn một vạn quân Anh vào giải giáp quân Nhật, nhưng thâm ý của Anh là để Pháp chiếm lại Đông Dương nhằm ngăn chặn phong trào cách mạng thế giới, nhất là trong khu vực có nhiều thuộc địa của Anh; ngăn chặn âm mưu mở rộng thế lực ở Đông Nam Á của Mỹ và để đánh đổi, Pháp nhường cho Anh những quyền lợi ở Trung Cận Đông và châu Phi.

Đế quốc Pháp trước sau vẫn mưu đồ độc chiếm Đông Dương. Giới tư bản tài chính Pháp muốn nhanh chóng chiếm lại Đông Dương, "đóa hoa thuộc địa đẹp nhất", mang lại những món lời khổng lồ và vớt vát danh dự cho một đế quốc đã từng được coi là một cường quốc. Đồng thời, Pháp được sự tiếp tay của đế quốc Mỹ, Anh, đúng như Đảng đã dự báo từ trước Cách mạng Tháng Tám: "Sự mâu thuẫn giữa Anh-Mỹ-Pháp và Liên Xô có thể làm cho Anh, Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở lại Đông Dương"[2]. Ngày 23-9-1945, được sự đồng tình của đế quốc Anh, Mỹ, quân Pháp đã nổ súng ở Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định *kẻ thù chính của cách mạng nước ta là thực dân Pháp xâm lược.*

Xác định đúng kẻ thù, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng còn nắm chắc những mâu thuẫn giữa các kẻ thù của cách mạng Việt Nam lúc này và chủ trương thực hiện sách lược linh hoạt để lợi dụng triệt để mâu thuẫn đó, tạo điều kiện vượt qua khó khăn, từng bước giành thắng lợi mục tiêu độc lập, thống nhất dân tộc.

Hoàn cảnh đất nước lúc đó không thể cùng lúc tiếp nhận hai cuộc chiến tranh với quân Pháp và quân Tưởng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân kiên định mục tiêu độc lập, thống nhất dân tộc, đồng thời vận dụng sách lược linh hoạt, khôn khéo vượt qua tình thế hiểm nghèo, đưa đất nước đi lên.

Trên cơ sở nắm chắc âm mưu, thủ đoạn và nội tình của từng kẻ thù, khi quân Tưởng vào nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định: "Quân đội Tưởng Giới Thạch sang đây không phải để giúp ta độc lập, chúng có mưu đồ riêng của chúng. Nhưng về sách lược bên ngoài ta vẫn phải nói cảm ơn, ta phải dùng sách lược của Việt Vương Câu Tiễn... Phải "dĩ nhu chế cương"[3]. Trong thư chúc Tết đồng bào, chiến sĩ cả nước nhân dịp Tết Bính Tuất (1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu khẩu hiệu "Hoa-Việt thân thiện"[4].

Hòa hoãn với quân Tưởng là hòa hoãn với một kẻ thù nguy hiểm trực tiếp để hạn chế sự chống phá điên cuồng của chúng và ta có điều kiện tập trung lực lượng kháng chiến chống kẻ thù chính là thực dân Pháp. Để hòa hoãn với quân Tưởng, Đảng, Chính phủ và quân dân ta phải nhân nhượng nhiều điều; nặng nề nhất là chấp nhận cho hai tổ chức Việt Quốc, Việt Cách tham gia Quốc hội và Chính phủ với tư cách là lực lượng đối lập với Mặt trận Việt Minh cầm quyền, là Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý giải tán. Đây là một nhân nhượng lớn của cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích về chủ trương này: "Đứng trước tình hình gay go và cấp bách ấy, Đảng phải dùng mọi cách để sống còn, hoạt động và phát triển, để lãnh đạo kín đáo và có hiệu quả hơn, và để có thời giờ củng cố dần dần lực lượng của chính quyền nhân dân, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất.

Lúc đó, Đảng không thể do dự. Do dự là hỏng hết. Đảng phải quyết đoán mau chóng, phải dùng những phương pháp-dù là những phương pháp đau đớn-để cứu vãn tình thế"[5].

Mặc dù Đảng và chính quyền cách mạng có sách lược mềm dẻo, nhân nhượng lớn về chính trị, kinh tế, ngoại giao với quân Tưởng và tay sai, nhưng mặt khác, kiên quyết đấu tranh bằng pháp luật, kể cả những đòn trừng phạt về quân sự khi quân Tưởng và bọn tay sai chống phá trắng trợn, gây nguy hại đến an ninh quốc gia và xâm phạm tính mệnh, tài sản của nhân dân. Vừa hòa hoãn, vừa đấu tranh với quân Tưởng là một cuộc đấu tranh phức tạp. Quân Tưởng có gây một số khó khăn cho chính quyền và nhân dân ta, nhưng việc hòa hoãn lại tạo điều kiện hạn chế đến mức thấp nhất hoạt động chống phá của chúng; thông qua vai trò Mặt trận Việt Minh, Đảng vẫn giữ vững sự lãnh đạo đối với toàn dân; giữ và củng cố chính quyền cách mạng, giữ vững quyền làm chủ của nhân dân, tập trung lực lượng vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ.

Sang đầu năm 1946, diễn biến tình hình thế giới có nhiều biến động. Anh, Mỹ thỏa hiệp cho Pháp chiếm lại Đông Dương. Theo sự dàn xếp của Mỹ, Hiệp ước Hoa-Pháp được ký kết (28-2-1946), quân Tưởng thỏa thuận sẽ rút về nước, quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng. Tình thế sẽ dẫn đến là quân Tưởng cố tình trì hoãn việc rút quân để trước khi rút, chúng sẽ lật đổ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lập chính phủ tay sai để cài cắm lực lượng, chuẩn bị cho âm mưu bành trướng sau này; quân Pháp sẽ vào miền Bắc không có ai kiểm soát. Nếu Việt Nam ngăn không cho quân Pháp vào miền Bắc, sẽ bị vu cáo là chống lại Đồng minh, tạo cớ cho Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước.

Để nhanh chóng đuổi quân Tưởng về nước, loại bỏ một kẻ thù nguy hiểm trực tiếp và tránh để nổ ra cuộc chiến tranh lớn trên cả nước với quân Pháp mà lúc đó bất lợi cho cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng chủ trương "Hòa để tiến", hòa hoãn với Pháp. Ngày 3-3-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Tình hình và chủ trương". Chỉ thị vạch rõ: "Vấn đề lúc này không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng"[6].

Trong các cuộc tiếp xúc ngoại giao với Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ lập trường của Việt Nam là độc lập và hợp tác với Pháp trên cơ sở bình đẳng. Trong quá trình đấu tranh ngoại giao, phía Việt Nam không bao giờ xa rời mục tiêu đó, nhưng trong tình thế bất lợi và để đạt được hòa hoãn, phải nhân nhượng mềm dẻo, có thể nhân nhượng quyền lợi kinh tế, văn hóa với Pháp. Lập trường của phía Việt Nam là mềm dẻo và thiện chí. Phía Pháp chấp nhận thì có hòa hoãn. Pháp bác bỏ, áp đặt chế độ thực dân thì hòa hoãn bế tắc và dẫn đến tan vỡ.

Lập trường thực dân của chính quyền Pháp không thay đổi, nhưng nội tình nước Pháp sau chiến tranh thế giới còn đang khó khăn, cuộc chiến tranh xâm lược trên chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ Việt Nam diễn biến không thuận lợi, phải chủ hòa trong chính giới Pháp có ảnh hưởng nhất định, do đó Hiệp định Sơ bộ được ký kết ngày 6-3-1946 giữa đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp là Ủy viên Cộng hòa Pháp ở Bắc Đông Dương Xanhtony và đại diện Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa là Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đặc ủy viên Chính phủ Vũ Hồng Khanh. Cũng trong dịp này, Tổng Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương-Tướng Lơcolếc

với Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Tuyên bố chung về việc quân đội Pháp thay thế quân đội Trung Hoa giải giáp quân Nhật ở miền Bắc.

Những văn kiện trên đây thể hiện sự nhân nhượng của hai bên: Hai bên đình chỉ chiến sự. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, là một phần tử trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp; Chính phủ Pháp cam đoan thừa nhận việc thống nhất 3 kỳ của nước Việt Nam do nhân dân Việt Nam quyết định trực tiếp; Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng thân thiện tiếp đón quân đội Pháp vào thay thế quân đội Trung Hoa dân quốc theo quy định hai bên thỏa thuận.

Ký Hiệp định Sơ bộ, ta đuổi được quân Tưởng sớm về nước. Bọn tay sai cũng rút chạy theo quân Tưởng và tan rã. Quân Anh, quân Nhật cũng rút khỏi Việt Nam. Mặt trận kháng chiến ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ lợi dụng được việc đình chiến để phát triển lực lượng, củng cố trận địa.

Sau đó, trên chính trường nước Pháp, chính phủ mới ngày càng ngả sang phía hữu, tìm cách phá hoại Hiệp định Sơ bộ, phá hoại cuộc đàm phán chính thức Pháp-Việt ở Phôngtennơblô. Đến cuối năm 1946, cánh cửa hòa bình đã bị thực dân hiếu chiến Pháp đóng chặt, quan hệ hai nước căng thẳng, chiến tranh ngày càng đến gần. Để cứu vãn tình thế và dành thêm một thời gian để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, Chủ tịch Hồ Chí Minh ở lại Pháp tiếp tục vận động cho một giải pháp hòa bình, cho dù là tạm thời. Ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện Chính phủ Pháp là Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Mutê bản Tạm ước 14-9, trong đó thỏa thuận đình chỉ mọi hành động xung đột về vũ lực giữa hai bên; phóng thích tù binh và tù nhân chính trị, ghi nhận cuộc thương thuyết vẫn còn được tiếp tục,...

Đế quốc Pháp tuy ký Tạm ước 14-9, nhưng vẫn ráo riết tấn công quân sự, hòng bắt ta nhân nhượng nhiều hơn nữa và tiến tới đặt lại quyền thống trị trên toàn bộ lãnh thổ nước ta. Ngày 17-12-1946, quân Pháp bắn vào trụ sở tự vệ Hà Nội và gây ra vụ thảm sát hết sức dã man đồng bào ta ở phố Yên Ninh, phố Hàng Bún. Ngày 18-12-1946, quân Pháp chiếm Bộ Tài chính và Bộ Giao thông công chính. Trong ngày 18-12, Pháp chuyển cho phía Việt Nam hai bức thư, lời lẽ như những tối hậu thư đòi phía Việt Nam hạ vũ khí để quân Pháp làm chủ Thủ đô Hà Nội. Khả năng hòa hoãn đã hết, ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động toàn quốc kháng chiến vào đêm 19-12-1946. Ngay đêm hôm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến khẳng định lập trường giữ vững nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc: "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"[7].

Hòa hoãn với thực dân Pháp là hòa hoãn với kẻ thù chính, phía Việt Nam phải nhận nhượng nhiều điều quan trọng và cuộc đấu tranh cũng gay go, phức tạp hơn nhiều. Chủ tịch Hồ Chí Minh thực sự muốn giải quyết quan hệ Việt-Pháp bằng con đường hòa bình và nếu phía Pháp cố tình gây ra cuộc chiến tranh, thì phía ta cũng tranh thủ được thời gian hòa hoãn để chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến, nên Người chọn giải pháp hòa hoãn.

Nhờ có hòa hoãn với Pháp, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ giành được thời cơ để củng cố lực lượng. Thắng lợi quan trọng

hơn là nhờ có gần một năm tạm hòa hoãn, Việt Nam có thời gian để chuẩn bị lực lượng căn bản. Chính vì xây dựng được lực lượng căn bản, cách mạng Việt Nam đã đối phó thắng lợi với mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù, vượt qua tình thế hiểm nghèo, tạo cơ sở vững chắc cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sau này.

2 Thực tiễn cuộc đấu tranh cho thấy vào thời điểm này Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra sách lược hòa hoãn với Tưởng và Pháp. Hồ Chí Minh trực tiếp tiến hành và chỉ đạo cuộc vận động thực hiện sách lược đó. Đến khi tình thế buộc phải cầm vũ khí đứng lên bảo vệ nền độc lập, thống nhất thiêng liêng, thì Người cùng Trung ương Đảng quyết định toàn quốc kháng chiến và kêu gọi toàn thể quân dân Việt Nam đứng lên chiến đấu.

Tổng kết cách mạng Việt Nam; trong tác phẩm *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới,* khi đánh giá sách lược đối với kẻ thù giai đoạn 1945-1946, Tổng Bí thư Lê Duẩn viết: "Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược Lêninnít về lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ địch và về sự nhân nhượng có nguyên tắc"[8].

"Dĩ bất biến, ứng vạn biến" là một tư tưởng lớn của ông, cha ta được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng nhuần nhuyễn. Tư tưởng đó chẳng những có ý nghĩa to lớn đối với cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945-1946 và các giai đoạn cách mạng sau đó, mà còn có ý nghĩa hiện thực sâu sắc. Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực đang diễn biến phức tạp, Việt Nam đang mở rộng quan hệ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Các thế lực thù địch ngoại bang đang có âm mưu và dùng nhiều thủ đoạn chống phá, kể cả việc xâm hại độc lập, chủ quyền của nước ta; quan hệ đối tác, đối tượng đan xen phức tạp. Trước tình hình đó, quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" là yêu cầu cơ bản và cấp thiết của cách mạng Việt Nam. Trong quan hệ quốc tế, Việt Nam phải có đường lối đối ngoại đúng đắn, sáng tạo, có các biện pháp hết sức linh hoạt, vừa hợp tác vừa đấu tranh, kể cả việc phải nhân nhượng, chấp nhận hy sinh lợi ích cục bộ, để đạt tới mục tiêu cơ bản, lâu dài là độc lập, tự chủ, bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc.

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử,* Nxb Văn học, H, 1977, tr. 253

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* Nxb CTQG, H, 2000, T. 7, tr. 427

3. Hồi ký của đồng chí Đặng Việt Châu, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Vĩnh Yên năm 1945, Biên bản tọa đàm ngày 29-5-1964, Tài liệu lưu tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Vĩnh Phúc, tr. 9

4. Báo *Cứu quốc,* số Tết Bính Tuất (1946)

5. *Hồ Chí Minh Toàn tập,* Nxb CTQG, H, 2011, T. 7, tr. 27

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* Nxb CTQG, H, 2000, T. 8, tr. 43-44

7. *Hồ Chí Minh Toàn tập,* Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 534

8. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb ST, H, 1975, tr. 33.